TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 261/2023/DS-GĐT
Ngày: 15/11/2023
V/v *Tranh chấp hứa thưởng".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy
Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân
Ông Tô Chánh Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Đàng Sĩ Hiến,Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp hứa thưởng"* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 20/4/2016, giữa ông với Nguyễn Văn N có lập bản cam kết về việc hứa thưởng, theo nội dung cam kết thì ông sẽ thực hiện công việc là tiến hành các thủ tục để ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất gồm: thửa 73 (diện tích 1.597,8m^2); thửa 83 (diện tích 1616,6m^2) và thửa 103 (diện tích 1.300,9m^2), cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp F, xã T,

huyện B, tỉnh Bến Tre. Khi công việc hoàn thành thì ông N sẽ trích thưởng 10% tổng diện tích của 03 thửa đất nêu trên.

Kết quả thực hiện, ông đã thực hiện các công việc cần thiết và ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất gồm thửa 73 và thửa 103. Riêng thửa đất 83, do ông N yêu cầu dừng thực hiện nên ông không tiếp tục thực hiện công việc.

Đến nay, ông N chưa thực hiện nghĩa vụ trả khoản hứa thưởng như thỏa thuận. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N trả thưởng theo thỏa thuận là 10% tổng diện tích của 02 thửa đất 73 và thửa 103. Ông yêu cầu được nhận bằng tiền.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông thừa nhận việc cam kết hứa thưởng ngày 20/4/2016 như nội dung ông T trình bày. Tuy nhiên, việc hứa thưởng là hợp đồng dịch vụ có trả phí và phí là 10% với điều kiện ông T phải hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 03 thửa đất cho ông. Thực tế, ông T chỉ mới thực hiện hoàn thành công việc đối với 02 thửa đất là thửa 73 và thửa 103. Đối với thửa đất 83, ông T chưa thực hiện và đơn phương chấm dứt thực hiện công việc, hai bên cũng không thỏa thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nào thì trích thưởng 10% thửa đất đó nên ông không đồng ý trả thưởng theo cam kết ngày 20/4/2016. Ngoài ra, ông là người trực tiếp thực hiện công việc đăng ký quyền sử dụng đất, ông T không chứng minh được việc ông T là người thực hiện. Ông chỉ đồng ý trả công cho ông T theo mức 3% giá trị của hai thửa đất 73 và 103.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 23/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trích thưởng cho ông T 10% giá trị của 02 thửa đất 73 và 103 với số tiền là 1.146.726.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông N trích thưởng 30m^2 đất ở tại nông thôn.

Ngoài ra,Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả, quyền, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 04/10/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn N kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 77/2023/DS-PT ngày 06/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn N.

Sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trích thưởng cho ông T 3% giá trị của 02 thửa đất 73 và 103 với số tiền là 344.017.800 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông N trích thưởng 30m^2 đất ở tại nông thôn.

Ngoài ra, Tòa án phúc thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả, án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 17/4/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 227/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 20/9/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 77/2023/DS-PT ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn N đều thừa nhận, ngày 20/4/2016, hai bên có lập Bản cam kết có nội dung về việc hứa thưởng như sau: *ông* T *thay mặt ông* N *đến cơ quan pháp luật đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất thửa 73 (diện tích 1.597,8m^2); thửa 83 (diện tích 1616,6m^2) và thửa 103 (diện tích 1.300,9m^2), cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại* ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre *cho ông* N". Khi công việc hoàn thành thì ông N sẽ trích thưởng 10% tổng diện tích của 03 thửa đất nêu trên cho ông T. Cam kết có người làm chứng là ông Phạm Văn B. Cam kết hứa thưởng của ông N là công khai, công việc được hứa thưởng là rõ ràng, có thể thực hiện được, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên việc hứa thưởng là có hiệu lực pháp luật.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Ngày 09/3/2017, ông N đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 73, diện tích 1.597,8m^2 và ngày 09/11/2018, ông N được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 103, diện tích 1.300,9m^2 .

Tại bản tự khai ngày 12/11/2020, ông N thừa nhận ông T là người trực tiếp thực hiện công việc đăng ký, kê khai để ông được Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng đối với 02 thửa đất nêu trên. Đối với thửa đất 83, ông N và ông T đều thừa nhận đã thỏa thuận chấm dứt công việc đăng ký cấp quyền sử dụng đất.

Như vậy, ông T đã thực hiện công việc được hứa thưởng theo đúng yêu cầu của ông N nên ông N phải có nghĩa vụ trả thưởng theo thỏa thuận có hiệu lực. Mức hứa thưởng là 10% tổng diện tích đất. Ông T yêu cầu ông N trả thưởng theo thỏa thuận là 10% tổng diện tích của 02 thửa đất 73 và thửa 103 và yêu cầu được nhận bằng tiền.

Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Buộc ông N có nghĩa vụ trả thưởng cho ông T 10% giá trị của 02 thửa đất 73 và 103 với số tiền là 1.146.726.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tòa án phúc thẩm nhận định cho rằng, quá trình kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất do ông N tự thực hiện hoặc cùng thực hiện với ông T, các bên không thỏa thuận việc trả thưởng trong trường hợp chỉ thực hiện một phần công việc, ông T chưa thực hiện đúng nội dung thỏa thuận, việc ông N được cấp quyền sử dụng đất có công sức của hai bên nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông T, buộc ông N có nghĩa vụ trả thưởng cho ông T 3% giá trị của 02 thửa đất 73 và 103 với số tiền là 344.017.800 đồng là không đúng với thỏa thuận có hiệu lực như đã nêu trên và không phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 337,Điều 343, Điều 344, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 227/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 20/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 77/2023/DS-PT ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre về vụ án *"Tranh chấp hứa thưởng"* giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T với bị đơn là ông Nguyễn Văn N.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: PHÒNG LTHS, hồ sơ vụ án; THS (ĐSH).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy